



FILE 20210628 095143

NỘI-DUNG-ÔN-TẬP-MÔN-CHỦ-NGHĨA-XÃ-HỘI-KHOA-HỌC

-1
Chủ nghĩa xã hội khoa học (Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)



Scan to open on Studocu

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Chương 1(không thi tự luận)

1.Hoàn cảnh lịch sử (điều kiện, tiền đề khách quan) ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Những năm 40 của thế kỷ XIX, Phương thức sản xuất TBCN phát triển nhanh chóng, mặt khác nó cũng bộc lộ những mâu thuẫn vốn có của nó, đó là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất xã hội hoá cao với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất

- Giai cấp công nhân đã trưởng thành và bước lên vũ đài chính trị với tư cách là một lực lượng xã hội độc lập trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản.

Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa

1831-1834,của thợ dệt Liông ở Pháp

1838-1848: phong trào hiến chương ở Anh

1844: công nhân dệt XiLêDi ở Đức Những cuộc đấu tranh này tuy có phát triển về số lượng và chất lượng nhưng cuối cùng đều thất bại. Từ sự thất bại đó đặt ra yêu cầu phải có lý luận cách mạng khoa học dẫn đường

b, Tiền đề khách quan:

* Tiền đề khoa học tự nhiên:

– Đầu thế kỷ XIX có 3 phát minh khoa học lớn

– Thuyết tiến hoá của ĐácUyn

– Thuyết tế bào của Svác và SlâyĐen

– Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng của Lômônôxốp đã chỉ rõ quan niệm sai lầm của chủ nghĩa duy tâm và phương pháp luận siêu hình, khẳng định tính đúng đắn của chủ nghĩa duy vật và phương pháp luận biện chứng mà C Mác và Ăngghen đang xây dựng

* Tiền đề tư tưởng lý luận:

– Khoa học xã hội cũng đạt được những thành tựu rực rỡ trên tất cả các lĩnh vực.

+Triết học cổ điển Đức với phép biện chứng của Hêghen

+ chủ nghĩa duy vật của Phoiơbách

+ kinh tế chính trị học cổ điển anh với hai nhà kinh tế chính trị là Adam Smít đã để lại cho chủ nghĩa Mác lý luận về giá trị lao động

+ còn Ricácđô đã để lại cho chủ nghĩa Mác lý luận về địa tô chênh lệch

- Mác đã tiếp thu lý luận trên xây dựng lên học thuyết giá trị thặng dư.

- Sự phát triển rực rỡ của chủ nghĩa xã hội không tương phê phán với các đại biểu suất sắc Xanh Ximông, Rôbôt Ooen, Sácơ Phuriê.
- Những thành tựu đó đã được Mác và Ăngghen kế thừa một cách có chọn lọc trong quá trình sáng lập chủ nghĩa Mác. Những thành tựu đó cũng được thừa nhận là ba nguồn gốc lý luận của ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác

2. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH

* Đối tượng: là những qui luật , tính qui luật chính trị- xã hội của quá trình phát sinh , hình thành và phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội ; những nguyên tắc cơ bản , những điều kiện , những con đường và hình thức , phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm hiện thực hóa sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản .

* Phương pháp:

- Phương pháp luận chung:

+ Sử dụng phương pháp chung của CNDVBC

+ Sử dụng phương pháp luận chung của CNDVLS -> Chỉ có dựa trên phương pháp luận khoa học đó , chủ nghĩa xã hội khoa học mới luận giải đúng đắn , khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân , về quá trình phát sinh , hình thành , phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và các khái niệm , phạm trù , các nội dung khác của chủ nghĩa xã hội khoa học .

- Phương pháp nghiên cứu cụ thể:

+ Phương pháp kết hợp lịch sử- logic: là pp đặc trưng và đặc biệt quan trọng đối với CNXHKKH. Dựa trên cơ sở tư liệu thực tiễn của sự thật lịch sử mà phân tích để rút ra những nhận định, những khái quát về lý luận có kết quả chặt chẽ, khoa học- tức là rút ra được logic của lịch sử, không dừng lại ở việc liệt kê sự thật lịch sử.

* Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể là phương pháp có tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội khoa học. Thực hiện phương pháp này, những người nghiên cứu, khảo sát phải luôn có sự nhạy bén về chính trị - xã hội trên tất cả các hoạt động và quan hệ xã hội, trong nước và quốc tế. Không chú ý phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội, không có nhạy bén chính trị

+ Phương pháp so sánh sử dụng trong nghiên cứu CNXHKKH nhằm so sánh và làm sáng tỏ những điểm tương đồng và khác biệt trên phương diện CT-XH giữa PTSX TBCN và XHCN, giữa các chế độ dân chủ TBCN và XHCN... pp so sánh còn đc thực hiện trong việc so sánh lý thuyết, mô hình XHCN

- Các pp có tính liên ngành: pp phân tích tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra.... được sử dụng để nghiên cứu các khía cạnh CT-XH của các mặt hoạt động trong một xã hội có giai cấp.

- PP tổng kết lý luận từ thực tiễn nhất là thực tiễn về CT-XH từ đó rút ra những vấn đề lý luận có tính qui luật của công cuộc xây dựng CNXH.

* Ý nghĩa: Về mặt lý luận:

+ Trang bị và nâng cao nhận thức khoa học về chủ nghĩa xã hội, nhất là những nhận thức về vấn đề chính trị - xã hội.

+ Xây dựng và củng cố niềm tin, lập trường cộng sản chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên và mọi công dân nói chung. Về mặt thực tiễn:

+ Vận dụng vào hoạt động thực tiễn, học tập, rèn luyện, lao động sản xuất, sinh hoạt xã hội

+ Giúp ta có căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác và đấu tranh với những sai lệch và thù địch với chủ nghĩa xã hội và phản lại lợi ích của nhân dân, dân tộc và nhân loại tiến bộ.

Chương 2 (thi tự luận quan trọng)

CÂU 1.Nội dung SMLS của GCCN

- ND kinh tế

- Tạo tiền đề vật chất kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới
- Đại biểu cho lợi ích chung của toàn xã hội
- Tạo tiền đề cho sự hình thành của quan hệ sản xuất mới
- Là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp CNH-HDH

-ND chính trị - xã hội

- Xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ XHCN
- Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN
- Phát triển kinh tế văn hóa thực hiện tiến bộ xã hội
- Phục vụ tốt nhất quyền và lợi ích của nhân dân lao động

-ND văn hóa tư tưởng

- Xây dựng hệ giá trị mới về lao động công bằng, dân chủ, bình đẳng, tự do
- Củng cố phát triển ý thức hệ gccn
- Xây dựng con người và lối sống XHCN

2.Điều kiện khách quan

- Thứ nhất: Do địa vị kinh tế của GCCN quy định

- GCCN đại diện cho LLSX tiến bộ
- GCCN có lợi ích đối lập với GCTS
- Điều kiện làm việc sinh sống tạo sự đoàn kết trong GCCN
- GCCN có khả năng đoàn kết với các tầng lớp lao động khác

-Thứ hai: Do địa vị chính trị - xã hội của GCCN quy định

- Là giai cấp tiên phong cách mạng
- Là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để
- Là giai cấp có ý thức tổ chức, kỷ luật cao
- GCCN có bản chất quốc tế

3. Điều kiện chủ quan

- Sự phát triển về số lượng và chất lượng của GCCN:

- Sự phát triển về số lượng gắn liền với sự phát triển về chất lượng GCCN hiện đại
- Chất lượng GCCN thể hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng, tức là tự giác nhận thức được vai trò và trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử
- Chất lượng của GCCN còn thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại

-Đảng Cộng Sản là nhân tố chủ quan, quan trọng nhất để GCCN thực hiện thắng lợi SMLS của mình

- ĐCS là đội tiên phong của GCCN ra đời và đảm bảo vai trò lãnh đạo
- GCCN là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của đảng làm cho Đảng mang bản chất của GCCN

4.Liên hệ

-Về kinh tế:

- GCCN phát huy vai trò và trách nhiệm của lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước
- GCCN với số lượng đông đảo có cơ cấu ngành nghề đa dạng, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ công nghiệp ở mọi thành phần kinh tế, với chất lượng ngày một nâng cao về kỹ thuật và công nghệ sẽ là nguồn nhân lực lao động chủ yếu tham gia phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, định hướng XHCN, lấy KHCN làm động lực quan trọng, quyết định tăng năng suất LĐ chất lượng và hiệu quả.
- Thực hiện khối liên minh công – nông – trí thức để tạo ra những động lực phát triển nông nghiệp nông thôn và nông dân ở nước ta theo hướng phát triển bền vững hiện đại hóa, chủ động hội nhập quốc tế.

-Về chính trị-xã hội:

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
- Giữ vững bản chất GCCN của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ đảng viên

- Tăng cường xây dựng chính đồn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị đạo đức lối sống, “tự diễn biến” “tự chuyển hóa” trong nội bộ

-Về văn hóa tư tưởng:

- Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc
- Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, giáo dục đạo đức cách mạng, rèn luyện lối sống tác phong công nghiệp, văn minh hiện đại
- Xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách

4. Đặc điểm của GCCN Việt Nam

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời từ những năm đầu thế kỷ XX trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất và lần thứ hai của thực dân Pháp trở thành giai cấp tiên phong của cả dân tộc
- Giai cấp công nhân Việt Nam chịu nhiều áp bức bóc lột lại được tiếp thu những truyền thống yêu nước đấu tranh anh dũng, bất khuất của dân tộc nên giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để, kiên cường CM
- Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Đại bộ phận công nhân Việt Nam xuất thân từ nông dân và các tầng lớp lao động khác. Đây là cơ sở để hình thành và không ngừng củng cố khối liên minh công- nông- trí thức và đại đoàn kết dân tộc vững chắc trong suốt tiến trình cách mạng nước ta
- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và từng bước trưởng thành trong không khí sục sôi của hàng loạt phong trào yêu nước của các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp cường sớm tiếp thu ánh sáng cách mạng Tháng Tám ,tháng 10 Nga và chủ nghĩa mác-lênin
- Giai cấp công nhân Việt Nam sớm tổ chức ra đội tiên phong của mình và đảng cộng sản trở thành lực lượng tiên phong giữ vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam
- Ngày nay giai cấp công nhân có những biến đổi :
 - + Tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp CNH ,HĐH gắn với sự phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường
 - + Đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp
 - + Công nhân tri thức nắm vững khoa học công nghệ tiên tiến, công nhân trẻ được đào tạo theo chuẩn nghề nghiệp học vấn, văn hóa không ngừng được nâng cao
- Để thực hiện SMLS của mình giai cấp công nhân Việt Nam cần phát triển mạnh theo hướng hiện đại và quan trọng công tác xây dựng ,chính đồn Đảng

5. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN Việt Nam hiện nay

* Vai trò và sứ mệnh của giai cấp công nhân Việt Nam là lãnh đạo nhân dân làm cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thông qua đội tiên phong của mình là ĐCS Việt Nam ,giành chính quyền về tay

nhân dân, thiết lập nền chuyên chính dân chủ nhân dân, thiết lập nên nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á

1946-1975 nhân dân ta đã kiên quyết kiên trì bền bỉ đấu tranh chống quân xâm lược suốt 30 năm thực hiện thống nhất đất nước

1975 đến nay giai cấp công nhân Việt Nam từng bước lãnh đạo nhân dân lao động hàn gắn chiến tranh tiến hành công cuộc đổi mới

Ngày nay giai cấp công nhân Việt Nam vừa là giai cấp lãnh đạo vừa là động lực cơ bản của quá trình CNH, HĐH đất nước xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

*** Biểu hiện cụ thể nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCNVN hiện nay :**

- Trên lĩnh vực kinh tế

+ GCCN Việt Nam là nguồn nhân lực lao động chủ yếu tham gia phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

+GCCNVN là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh CNH ,HĐH đất nước phát triển kinh tế tri thức bảo vệ tài nguyên và môi trường.

+ Thực hiện khối liên minh công- nông- trí thức tạo động lực phát triển công nghiệp- nông nghiệp và nông dân Việt Nam theo hướng phát triển bền vững hiện đại hóa chủ động hội nhập quốc tế

- Trên lĩnh vực chính trị:

+ Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

+ Giữ vững bản chất GCCN của Đảng vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ Đảng viên

+ Tăng cường chỉnh đốn xây dựng Đảng ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị đạo đức lối sống và các biểu hiện “ tự diễn biến” “tự chuyển hóa”

- Trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng:

- GCCN Việt Nam cùng với nhân dân lao động xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc với nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới XHCN ,giáo dục đạo đức cách mạng rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp văn minh hiện đại; xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam

- GCCN Việt Nam tham gia vào cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng lý luận để bảo vệ chủ nghĩa mác-lênin tư tưởng Hồ Chí Minh chống lại những quan điểm sai trái, thù địch kiên định lý tưởng mục tiêu và con đường đi lên CNXH

6. Tại sao ở các nước tư bản hiện nay, GCCN chưa thực hiện được SMLS của mình?

- Mặc dù GCCN ở các nước tư bản hiện nay vẫn là giai cấp bị bóc lột tuy nhiên GCTS đã sử dụng nhiều chính sách điều hòa mâu thuẫn

VD :Chính sách tăng lương giảm giờ làm

Chính sách bảo hiểm

- GCTS cổ tình phân hóa CN thành 2 bậc : bậc cao, bậc thấp
- + công nhân bậc cao được trả lương cao nên ít tinh thần đấu tranh , công nhân bậc thấp được trả lương thấp nhưng lực lượng ít nên chưa có tinh thần đấu tranh
- GCCN ở các nước TB hiện nay chưa thực sự giác ngộ SMLS của mình vì việc tiếp nhận chủ nghĩa Mác –Leenin bị hạn chế
- Các nước TB chưa có ĐCS đủ sức lãnh đạo CM nên phong trào đấu tranh của CN chỉ dừng lại ở tự phát ,chưa phát triển trình độ tự giác ,chưa có chiến lược ,sách lược ,pp CM đúng đắn
- Mặt khác,ở các nước TB hnay đang được thực hiện chế độ đa đảng ,ĐCS chưa phải đảng có tầm ảnh hưởng lớn nên ĐCS chưa đủ sức lãnh đạo
- GCCN chưa thực hiện được sự liên minh đoàn kết rộng rãi với các giai cấp trong xã hội

Chương 3

CÂU 2: *.Những đặc trưng cơ bản của CNXH*

** CNXH giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.*

- Đây là sự khác biệt về chất giữa hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa so với các hình thái kinh tế - xã hội ra đời trước đó. Đặc trưng này thể hiện bản chất nhân văn, nhân đạo, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

- Để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện cần tiến hành cách mạng XHCN triệt để.

** CNXH là xã hội do nhân dân lao động làm chủ.*

- Đây là đặc trưng thể hiện thuộc tính bản chất của CNXH, XH vì con người và do con người. Nhân dân lao động là chủ thể của xã hội, thực hiện quyền làm chủ trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

** CNXH có nền kinh tế phát triển dựa trên LLSX hiện đại và chế độ công hữu về TLSX chủ yếu.*

- Mục tiêu cao nhất của CNXH là giải phóng con người thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Do đó, CNXH cần thiết lập nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và chế độ công hữu về TLSX chủ yếu, được tổ chức, quản lý có hiệu quả, năng suất lao động cao và phân phối chủ yếu theo lao động.

- CNXH cần tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn, tổ chức chặt chẽ và kỷ luật lao động nghiêm minh, tự giác.

** CNXH có nhà nước kiểu mới mang bản chất GCCN, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.*

- Chuyên chính cách mạng của GCVS (GC Vô sản) là chính quyền do GCVS giành được và duy trì bằng bạo lực đối với GCTS (tư sản).

**Chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn nhân loại*

** Chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.*

(6 đặc trưng) nói chung CNXH; 8 đặc trưng của CNXH Việt Nam

2. Đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a) Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

-Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo phương thức "quá độ gián tiếp", quá độ rút ngắn", "quá độ đặc biệt của đặc biệt"

- Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, chiến tranh kéo dài, hậu quả của chiến tranh còn khá nặng nề, các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại nền độc lập dân tộc.

- Cuộc CMKHCN hiện đại vừa tạo thời cơ thuận lợi vừa đặt ra những thách thức đối với VN trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là sự lựa chọn đúng đắn phản ánh đúng quy luật phát triển khách quan của cách mạng VN. Đó là sự lựa chọn có tính lịch sử, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Mục tiêu của cách mạng Việt Nam là giành độc lập dân tộc, giải phóng nhân dân thoát khỏi áp bức, bóc lột, bất công, nghèo nàn, lạc hậu và xây dựng xã hội mới do nhân dân làm chủ. Điều này đã khách quan qui định sự lựa chọn con đường quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta.

- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta phù hợp với xu thế phát triển của thời đại - thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới được mở ra từ thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

b) Thực chất quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam:

- Thực chất quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tức là "bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại"

3. Những đặc trưng cơ bản của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay.

a) Những đặc trưng của chủ nghĩa XH ở VN (8)

- Một là, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Hai là, Do nhân dân làm chủ.
- Ba là, Có nền kte phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX tiến bộ phù hợp.
- Bốn là, Có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.
- Năm là, Con người có cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc, có đk phát triển toàn diện.
- Sáu là, Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.
- Bảy là, Có nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng cộng sản lãnh đạo.
- Tám là, Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

b) Những phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

: Đại hội Đảng lần XI (2011) đã chỉ ra 8 phương hướng

- Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường.
- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.
- Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.
- Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự qnà toàn xã hội.
- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.
- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản đó, phải đặc biệt chú trọng năm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước QHSX XHCN; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, không phiến diện, cực đoan duy ý chí

Chương 4

.Khái niệm

Dân chủ XHCN là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

1. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

-Bản chất chính trị:

Do Đảng cộng sản lãnh đạo.

Nhân dân lao động là người làm chủ những quan hệ chính trị xã hội.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nơi để nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ của mình

-Bản chất kinh tế:

Dựa trên chế độ công hữu về TLSX

Đảm bảo quyền làm chủ trong quá trình sản xuất kinh doanh, quản lý và phân phối

Coi lợi ích kinh tế của người lao động là động lực cơ bản nhất cho sự phát triển

-Bản chất tư tưởng văn hóa:

Về tư tưởng, lấy hệ tư tưởng Mác-Lênin-hệ tư tưởng của GCCN làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới

Về văn hóa kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc, tiếp thu những giá trị tư tưởng văn hóa, văn minh, tiến bộ xã hội mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc.

Xã hội văn minh, tiến bộ hơn so với những nền dân chủ trước.

2. Bản chất của nền dân chủ XHCN ở Việt Nam.

-Về bản chất

Dựa vào nhà nước XHCN và sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân: “Quyền hành và lực lượng đều ở dân”.

Dân chủ là mục tiêu, động lực, bản chất của chế độ XHCN

Dân chủ được thực hiện trong đời sống thực tiễn ở tất cả các cấp mọi lĩnh vực của đời sống xã hội về kinh tế chính trị, văn hóa-xã hội

-Các hình thức dân chủ ở Việt Nam

Dân chủ gián tiếp: là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân “ủy quyền”, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân trực tiếp bầu ra.

Dân chủ trực tiếp: là hình thức thông qua đó, nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội.

-Phát huy dân chủ ở VN hiện nay

Thứ nhất, hoàn thiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ XHCN

Thứ hai, Xây dựng Đảng trong sách vững mạnh.

Thứ ba, Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ XHCN.

Thứ tư, Nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị xã hội trong xây dựng nền dân chủ XHCN.

Thứ năm, Xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

3. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam.

** Quan niệm về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*

- Nhà nước pháp quyền được hiểu là nhà nước mà ở đó , tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật , tuân thủ pháp luật , pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh , trong hoạt động của các cơ quan nhà nước , phải có sự kiểm soát lẫn nhau , tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.

- Nhà nước pháp quyền XHCN ở VN là nhà nước đề cao vai trò tối thượng của Hiến pháp và pháp luật ; quản lý xã hội bằng pháp luật , đề cao quyền lợi , nghĩa vụ công dân , đảm bảo quyền con người ; Tổ chức và hoạt động của bộ máy quyền lực nhà nước là quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân

chủ quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

*** Đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

- Thứ nhất, xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là Nhà nước của dân, do dân vì dân.
- Thứ hai, Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật
- Thứ ba, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.
- Thứ tư, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Hoạt động của nhà nước được giám sát bởi nhân dân: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thông qua các tổ chức, các cá nhân được nhân dân ủy nhiệm.
- Thứ năm, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tôn trọng quyền con người, coi con người là trung tâm của sự phát triển
- Thứ sáu, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

-> Như vậy, những đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam chúng ta đang xây dựng đã thể hiện được các tinh thần cơ bản của một nhà nước pháp quyền nói chung. Bên cạnh đó, nó còn thể hiện sự khác biệt so với các nhà nước pháp quyền khác: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, phục vụ lợi ích cho nhân dân; nhà nước là công cụ chủ yếu để Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội

4. Phát huy dân chủ XHCN và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay.

*** Phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay (ở trên)**

*** Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN**

- Một là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- Hai là, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước
- + Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội
- + Xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hoá. Đẩy mạnh xã hội hóa các ngành dịch vụ công phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực, Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ; đồng thời cũng phải xây dựng được cơ chế loại bỏ, miễn nhiệm những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, đạo đức công vụ.

- Bón là , đấu tranh phòng , chống tham nhũng .Đây kiệmlà nhiệm vụ cấp bách , lâu dài của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta; có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người đấu tranh chống tham nhũng xây dựng các chế tài để xử lý các cá nhân và tổ chức vi phạm

Chương 5 (không thi tự luận)

1.Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp vừa đảm bảo tính qui luật phổ biến , vừa mang tính đặc thù của xã hội Việt Nam . Sự biến đổi phức tạp , đa dạng của cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam diễn ra trong nội bộ từng giai cấp , tầng lớp cơ bản của xã hội ; thậm chí có sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các giai cấp , tầng lớp xã hội , đồng thời xuất hiện những tầng lớp xã hội mới

- Cơ cấu xã hội - giai cấp của Việt Nam ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm những giai cấp , tầng lớp cơ bản sau :

+ Giai cấp công nhân Việt Nam là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam ; đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến ; giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội , là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa , hiện đại hóa đất nước

+ Giai cấp nông dân : Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội , giai cấp nông dân cũng có sự biến đổi , đa dạng về cơ cấu giai cấp ; có xu hướng giảm dần về số lượng và tỉ lệ trong cơ cấu xã hội - giai cấp . Một bộ phận nông dân chuyển sang lao động trong các khu công nghiệp , hoặc dịch vụ có tính chất công nghiệp và trở thành công nhân .

+ Đội ngũ trí thức là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa , hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế , xây dựng kinh tế tri thức , phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến , đậm đà bản sắc dân tộc ; là lực lượng trong khối liên minh .

+ Đội ngũ doanh nhân: đang phát triển nhanh cả về số lượng và qui mô với vai trò không ngừng tăng lên .

+ Phụ nữ là lực lượng quan trọng và đông đảo trong đội ngũ những người lao động tạo dựng nên xã hội và đóng góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội .

+ Đội ngũ thanh niên là rường cột của nước nhà , chủ nhân tương lai của đất nước , là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc .

2.Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nội dung liên minh về kinh tế:

- Liên minh về kinh tế ngày càng nổi lên với ý nghĩa hàng đầu, thường xuyên và cơ bản nhất nhằm tạo ra cơ sở để củng cố phát triển liên minh về chính trị, văn hóa XH.

- Liên minh về kinh tế nhằm xây dựng nền công, nông nghiệp hiện đại, khoa học công nghệ tiên tiến, từng bước tạo lập cơ sở vật chất , kỹ thuật cần thiết cho CNXH.

- Liên minh về kinh tế phải đảm bảo có sự kết hợp đúng đắn, hài hòa lợi ích chính đáng, cơ bản của các giai tầng
- Liên minh về kinh tế được thể hiện thông qua các cơ chế tác động qua lại, tạo điều kiện, tiền đề và động lực thúc đẩy lẫn nhau giữa các lĩnh vực công nghiệp - nông nghiệp - khoa học kỹ thuật. - Liên minh về kinh tế cần thông qua sự quản lý ở tầm vĩ mô của Nhà nước XHCN để phát huy những mặt tích cực của mỗi giai tầng
- + Công nghiệp và nông nghiệp phải tạo ra cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và môi trường rộng lớn để tri thức mang khoa học công nghệ ứng dụng vào thực tiễn.
- + Tri thức cần thể hiện vai trò to lớn của mình trong việc tri thức hóa công nhân và nông dân .
- Nội dung liên minh về chính trị :
- + Không phải là sự dung hòa lập trường tư tưởng của các giai tầng mà phải trên lập trường chính trị của giai cấp công nhân
- + Liên minh nhằm củng cố, phát triển quyền lực của nhân dân lao động mà trước hết là của công - nông - trí thức đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp để bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng và tổ quốc XHCN.
- + Hoàn thiện, phát huy dân chủ xhcn và quyền làm chủ của nhân dân, không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường sự đồng thuận xã hội
- + Kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực và âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch và phản động .
- Nội dung của liên minh về văn hóa xã hội:
- + Tổ chức liên minh để xây dựng nền văn hóa VN tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại.
- + Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xóa đói giảm nghèo, thực hiện tốt các chính sách XH đối với công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp khác, chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân, nâng cao dân trí, thực hiện tốt ăn sinh XH.

3. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Một là, đẩy mạnh CNH, HĐH ; giải quyết tốt mqh giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng XH tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu XH- giai cấp theo hướng tích cực.
- Hai là, xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách XH tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu XH, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu XH - giai cấp.
- Ba là, tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn XH.

- Bốn là, hoàn thiện thể chế chính trị kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh.

- Năm là, đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc VN nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Chương 6 (THI TỰ LUẬN)

1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của dân tộc

** Dân tộc hiểu theo nghĩa dân tộc – quốc gia là một cộng đồng dân cư gồm có những đặc điểm sau*

-Thứ nhất, chung phương thức sinh hoạt kinh tế

Kinh tế là yếu tố gắn kết các bộ tộc thành nhà nước, một quốc gia thống nhất. Sự tương đồng về lợi ích càng lớn tính thống nhất của dân tộc – quốc gia càng cao, ngược lại sẽ phải đối mặt với nguy cơ tan rã.

-Thứ hai, chung một lãnh thổ

Lãnh thổ là nơi sinh tồn và phát triển, là nê tảng hình thành nên tổ quốc của dân tộc gồm vùng trời, vùng đất, vùng biển, các hải đảo, thềm lục địa...được thể chế bằng luật pháp quốc gia và quốc tế

-Thứ ba, Chung một ngôn ngữ

Ngôn ngữ chung là kết quả quá trình phát triển lâu dài về kinh tế - xã của các dân tộc trong một quốc gia. Ngôn ngữ chung là đặc trưng bản chất và là nhân tố kết nối các dân tộc thành một quốc gia có chủ quyền

-Thứ tư, Chung một nền văn hóa

Đặc trưng của văn hóa dân tộc là thống nhất trong tính đa dạng. Nó được chất lọc trải dài trong suốt lịch sử đấu tranh để sinh tồn của mỗi dân tộc. Trong quá trình phát triển các thành viên của dân tộc thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau, một mặt giữ gìn bảo vệ những di sản văn hóa riêng của mình, mặt khác tham gia vào sự sánh tào ra những giá trị văn hóa chung của cả cộng đồng.

-Thứ năm, Có sự quản lý của nhà nước.

*** Dân tộc hiểu theo nghĩa dân tộc – tộc người**

-Thứ nhất, Cộng đồng về ngôn ngữ

Mỗi tộc người đều có ngôn ngữ riêng, đó là công cụ phát triển đời sống văn hóa tinh thần. Tiếng mẹ đẻ tập nên sự đồng cảm giữa các cá nhân, giúp cảm nhận được những sắc thái trong đời sống văn hóa, tinh thần của tộc người mình, vì vậy tộc danh thường gắn liền với tộc ngữ.

-Thứ hai, Công đồng về văn hóa

Văn hóa là những giá trị vật chất và tinh thần mà mỗi tộc người tạo dựng nên trong quá trình lịch sử của mình, nó phản ánh truyền thống lối sống phong tục tập quán của tộc người đó

Văn hóa tộc người có những sắc thái riêng, biểu hiện trong văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và là cơ sở để phân biệt các tộc người với nhau

-Thứ ba, Ý thức tự giác của tộc người

Ý thức tự giác tộc người là sự tự ý thức của mỗi thành viên về nguồn gốc, tộc danh, là tự khẳng định sự tồn tại và phát triển của tộc người mình.

2.Xu hướng khách quan

- *Xu hướng dân tộc độc lập*: là cộng đồng dân cư tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập.Nguyên nhân do sự thức tỉnh về ý thức dân tộc, ý thức về quyền độc lập của dân tộc mình.

Một dân tộc bị áp bức, bị xâm lược nếu có ý chí kiên cường và đường lối đúng đắn, sáng tạo, biết đoàn kết đấu tranh vì độc lập tự do thì dân tộc đó nhất định thắng lợi.

-*Xu hướng dân tộc liên hiệp*, nguyên nhân do sự phát triển lực lượng sản xuất KHCN, giao lưu kinh tế, văn hóa làm nảy sinh nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc.

□ *Trong thời đại hiện nay 2 xu hướng này diễn ra với biểu hiện rất đa dạng và phong phú.*

Xu hướng này thể hiện trong phong trào đấu tranh, giải phóng dân tộc bị áp bức nhằm xóa bỏ ách đô hộ của thực dân đế quốc, khẳng định quyền tự quyết dân tộc. hoặc đấu tranh để thoát khỏi sự kìm hãm dân tộc, phân biệt chủng tộc, hoặc đấu tranh để thoát khỏi tình trạng bị đồng hóa cưỡng bức của các dân tộc nhỏ dưới ách áp bức của các nước TBCN

VD: Phong trào này diễn ra mãnh mẽ vào những năm 60 của thế kỷ 20 và kết quả là khoảng 100 quốc gia đã giành được độc lập dân tộc

Ngày nay xu hướng xích lại gần nhau thể hiện ở sự liên minh của các dân tộc trên cơ sở lợi ích chung về kinh tế, về chính trị, văn hóa, quan sự... để hình thành các hình thức liên minh đa dạng như liên minh khu vực: ASEAN, EU...

3. Khái niệm, bản chất tôn giáo

a. Khái niệm

- *Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội gồm những quan niệm dựa trên cơ sở niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, vô hình, mang tính thiêng liêng, được chấp nhận một cách trực giác và tác động qua lại một cách hư ảo, nhằm lý giải những vấn đề trần thế cũng như ở thế giới bên kia.*

- *Bất cứ tôn giáo nào, với hình thức phát triển đầy đủ của nó cũng bao gồm:*

+ Ý thức tôn giáo

+ Hệ thống tổ chức tôn giáo cùng với những hoạt động mang tính chất nghi thức tín ngưỡng của nó

b. Bản chất tôn giáo

- Thứ nhất, Tôn giáo là sản phẩm của con người gắn với điều kiện tự nhiên và lịch sử cụ thể, xác định

+ Con người sáng tạo ra tôn giáo. Trong những điều kiện cụ thể là thế giới con người, là nhà nước là xã hội chứ không phải là con người trừu tượng, ẩn náu đâu đó ngoài thế giới

- Thứ hai, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội. Nó luôn phản ánh tồn tại xã hội. Tuy nhiên, sự phản ánh của tôn giáo là sự phản ánh đặc thù, đó là sự phản ánh hư ảo, hoang đường thế giới khách quan

- Thứ ba, tôn giáo có tính hai mặt, vừa là biểu hiện của thế giới đương thời vừa là phản kháng chống lại thế giới đó

+ Biểu hiện ở mặt xã hội, tôn giáo có sự tác động, ảnh hưởng đến đời sống xã hội Trên cả phương diện tích cực và tiêu cực

+ Mặt tích cực thể hiện ở chỗ tôn giáo ngoài sự phản ánh hoàn cảnh xã hội còn là sự phản kháng sự hạn chế của hoàn cảnh đó

Theo C.Mác: “Sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là biểu hiện của sự nghèo nàn hiện thực, vừa là sự phản kháng chống sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim ... tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”.

4. So sánh tôn giáo và tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín dị đoan. Ví dụ minh họa

a. Tôn giáo và tín ngưỡng

Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng

* Giống: - Cả tín ngưỡng và tôn giáo đều là những niềm tin của con người gửi gắm vào các đối tượng siêu hình

* Khác nhau:

Tôn giáo	Tín ngưỡng
<p>Phải có đủ 4 yếu tố cấu thành, đó là: giáo chủ, giáo lý, giáo luật và tín đồ.</p> <p>- Được hình thành, tồn tại trên cơ sở lý luận chặt chẽ và có tính hệ thống cao. Nghi lễ được thực hiện mang tính bắt buộc đối với tín đồ, được duy trì thường xuyên, cùng với những quy định khác.</p> <p>-Niềm tin được đặc biệt đề cao, có thể đó là đức tin, nó đòi hỏi có cách lý giải mang tính lôgic, hệ thống và được xây dựng trên cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan, ý thức, tình cảm...</p> <p>- Trong một thời điểm cụ thể, một người chỉ có thể có một tôn giáo.</p> <p>- Các tôn giáo có hệ thống kinh điển đầy đủ, đồ sộ (như các bộ kinh của Phật giáo, Kinh Thánh của Thiên chúa giáo,...)</p> <p>- Có các giáo sĩ hành đạo chuyên nghiệp và theo nghề suốt đời.</p>	<p>Không cấu thành từ một yếu tố bắt buộc nào cả.</p> <p>-Được hình thành và tồn tại dựa trên cơ sở lý luận chưa chặt chẽ, thiếu tính hệ thống.Cho nên tín ngưỡng phần lớn mang tính dân gian, gần gũi với đời thường và phần nghi lễ được thể hiện đơn giản, không bắt buộc đối với người theo.</p> <p>- Niềm tin không trở thành đức tin mà niềm tin ấy mang tính huyền hoặc, mờ ảo, không rõ ràng mà dựa vào sự cảm nhận của chủ thể tín ngưỡng.</p> <p>- Một người có thể đồng thời sinh hoạt ở nhiều tín ngưỡng khác nhau.</p> <p>- Các loại hình tín ngưỡng chỉ có một số bài văn tế (đối với tín ngưỡng thờ Thành hoàng), bài khấn (đối với tín ngưỡng thờ tổ tiên và thờ Mẫu).</p> <p>- Không có ai làm việc này một cách chuyên nghiệp cả.</p>

Ví dụ như: Tôn giáo Cao Đài, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên,....

b. Tôn giáo và mê tín dị đoan

Mê tín dị đoan là tin một cách mù quáng mê muội vào những điều mơ hồ dẫn đến những hành vi gây hậu quả tiêu cực đến sức khỏe, thời gian, tính mạng cho cá nhân, xã hội và cộng đồng

Giống: - Cả mê tín dị đoan và tôn giáo đều là những niềm tin của con người gửi gắm vào các đối tượng siêu hình

Tôn giáo	Mê tín dị đoan
<ul style="list-style-type: none"> -Tôn giáo phải có đủ 4 yếu tố cấu thành, đó là: giáo chủ, giáo lý, giáo luật và tín đồ. - Trong một thời điểm cụ thể, một người chỉ có thể có một tôn giáo. - Có các giáo sĩ hành đạo chuyên nghiệp và theo nghề suốt đời. - Sinh hoạt sẽ có cơ sở thờ tự riêng (đình, chùa, từ đường, miếu, phủ...). - Được pháp luật bảo vệ, được xã hội thừa nhận. - Những người có sinh hoạt tôn giáo thường sinh hoạt định kỳ tại cơ sở thờ tự (ngày sóc, ngày vọng, ngày giỗ, lễ, tết...). - Các tôn giáo có hệ thống kinh điển đầy đủ, đồ sộ (như các bộ kinh của Phật giáo, Kinh Thánh của Thiên chúa giáo,...). - Có mục đích là thể hiện nhu cầu của đời sống tinh thần, đời sống tâm linh. 	<ul style="list-style-type: none"> -Hoạt động tự do, không có một bộ phận cấu thành nào cả. -Một người có thể đi xem bói ở nhiều nơi khác nhau. - Có thể chuyên nghiệp nhưng không thể theo nghề suốt đời và mục đích chính cũng chỉ là trục lợi không trong sáng. - Thường phải lợi dụng một không gian nào đó của những cơ sở thờ tự để hành nghề hoặc hành nghề tại tư gia. - Bị xã hội lên án, bài trừ. -Hoạt động không định kỳ, vì người ta chỉ đi xem bói khi trong nhà có việc bất thường xảy ra. - Không có một hệ thống nào cả. -Lợi dụng những người cả tin, mê muội nhằm mục đích kiếm tiền, đem lại thu nhập cho gia đình và bản thân chính họ.

Ví dụ: mê tín dị đoan: niềm tin có ma...

1.1 Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin trong giải quyết vấn đề dân tộc (Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin).

Khái niệm : Theo quan điểm của Mác Lênin, dân tộc là quá trình phát triển lâu dài của xh loài người, trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao, bao gồm: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc, bộ lạc, dân tộc. Sự biến đổi của phương thức SX chính là nguyên nhân quyết định sự biến đổi của cộng đồng dân tộc.

- Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác Lênin:

+ Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng : đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, k phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp. Các dân tộc đều có quyền và nghĩa vụ , quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực XH.

+ Các dân tộc được quyền tự quyết: quyền được tự quyết định vận mệnh của dân tộc, quyền lựa chọn chế độ chính trị, quyền lựa chọn con đường phát triển của dân tộc

+ Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc: phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính. Đây là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc .

=> Cương lĩnh dân tộc của CN Mác Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để các Đảng cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng CNXH.

*** Đặc điểm dân tộc ở Việt Nam**

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người có những đặc điểm nổi bật sau:

Thứ nhất: Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người.

Thứ hai: Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau.

Thứ ba: Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng.

Thứ tư: Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều.

Thứ năm: các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc – quốc gia thống nhất.

Thứ sáu: Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

2. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

*** Về chính trị :**

- Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc.

- Chính sách dân tộc góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân , nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, đoàn kết các dân tộc, thống nhất mục tiêu chung là độc lập dân tộc và CNXH, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*** Về kinh tế:**

- Phát triển kinh tế XH miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Phát triển kinh tế XH miền núi và đồng bào DTTS

=> Phát huy tiềm năng của các dân tộc

- Thực hiện các chương trình dự án phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số.

- Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - XH ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng .

*** Về văn hóa:**

- Xây dựng nền văn hóa VN tiến tiến đậm đà bản sắc dân tộc

- Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người, phát triển ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các dân tộc.

- Đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa phù hợp vs điều kiện của các tộc người trong quốc gia đa dân tộc.

- Mở rộng giao lưu văn hóa vs các quốc gia, các khu vực và trên thế giới

- Đấu tranh chống tệ nạn XH, chống diễn biến hòa bình trên mặt trận tư tưởng- văn hóa ở nc ta hiện nay.

*** Về xã hội :**

- Thực hiện chính sách XH, đảm bảo an sinh XH trong vùng đồng bào DTTS.

- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế XH, xóa đói giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục trên cơ sở chú ý đến đặc thù mỗi vùng , mỗi dân tộc.

- Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và các tổ chức chính trị XH ở miền núi, vùng DTTS.

*** Về an ninh quốc phòng:**

- Tăng cường bảo vệ tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn XH.

- Thực hiện đúng chính sách dân tộc hiện nay ở VN là phải phát triển toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, XH, an ninh - quốc phòng các địa bàn vùng DTTS, vùng biên giới, rừng núi, hải đảo của Tổ quốc.

3. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

- *Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân:*

+ Tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng thuộc quyền tự do tư tưởng của nhân dân.

- + Mọi hành vi cấm đoán, ngăn cản tự do tín ngưỡng đều là xâm phạm đến quyền tự do tư tưởng của nhân dân.
- + Tôn trọng tự do tín ngưỡng là tôn trọng quyền con người, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ XHCN.
- + Nhà nước XHCN tôn trọng và bảo hộ, thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng của người dân.
- *Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới:*
- + Nguyên tắc này để khẳng định chủ nghĩa Mác-Lenin chỉ hướng vào giải quyết những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với quần chúng nhân dân mà không chủ trương can thiệp vào công việc nội bộ của các tôn giáo.
- + Cần phải xác lập được 1 thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói và thất học...cũng như những tệ nạn nảy sinh trong XH. Đó là quá trình lâu dài và không thể thực hiện được nếu tách rời việc cải tạo XH cũ, xây dựng XH mới.
- *Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo:* việc phân biệt 2 mặt này là cần thiết nhằm tránh khuynh hướng cực đoan trong quá trình quản lý, ứng xử những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. - Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng tôn giáo:
- + Tôn giáo k phải là 1 hiện tượng XH bất biến mà nó luôn luôn vận động và biến đổi k ngừng tùy thuộc vào đk kt-xh- lịch sử cụ thể. Mỗi tôn giáo đều có lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển nhất định.
- + Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động, quan điểm, thái độ của từng tôn giáo đối với đời sống XH luôn có sự khác biệt. Cần phải có quan điểm cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo và đối với từng tôn giáo cụ thể.
- *Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo.*

*** Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam**

Thứ nhất: Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo

Thứ hai: tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo

Thứ ba: tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc.

Thứ tư: hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ.

Thứ năm: các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài.

4. Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

- *Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của 1 bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta:*

+ Đảng ta khẳng định, tín ngưỡng, tôn giáo sẽ tồn tại lâu dài nên việc thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

- *Đảng, nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc:*

+ Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Nhà nước ta, một mặt, nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ, phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; mặt khác, vận động quần chúng nhân dân tham gia lao động sản xuất, hoạt động XH thực tiễn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ kiến thức để tăng cường sự đoàn kết, để cùng nhau xây dựng và bảo vệ tổ quốc XHCN.

+ Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

- *Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng:*

+ Nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước.

+ Đẩy mạnh phát triển kt, xh, văn hóa vùng đồng bào theo các tôn giáo, nhằm nâng cao trình độ, đời sống mọi mặt của đồng bào, làm cho quần chúng nhân dân nhận thức đầy đủ và đứng đắn đường lối, chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước, tích cực, nghiêm chỉnh thực hiện đường lối chính sách, pháp luật, trong đó có chính sách, pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo.

- *Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị:* công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực đời sống XH, các cấp, các ngành, các địa bàn, liên quan đến chính sách đối nội và đối ngoại của đảng, nhà nước.

- *Vấn đề theo đạo, truyền đạo:*

+ Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ.

+ Việc theo đạo, truyền đạo và mọi hoạt động tôn giáo khác phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo để truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các hành vi vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Chương 7

1. Khái niệm gia đình

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt được hình thành và phát triển trên cơ sở các mối quan hệ hôn nhân, huyết thống và nuôi dưỡng, đồng thời có sự gắn kết về

kinh tế - vật chất qua đó nảy sinh những nghĩa vụ và quyền lợi giữa các thành viên trong gia đình.

1. Vị trí, Chức năng cơ bản của gia đình..

*** Vị trí:**

- Gia đình là tế bào của xã hội
- Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên
- Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội

*** Chức năng**

Chức năng tái sản xuất ra con người:

- + Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không 1 cộng đồng nào có thể thay thế.
- + Chức năng này đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ, nhu cầu về sức lao động và duy trì sự trường tồn của XH.
- + Chức năng này quyết định mật độ dân cư và nguồn lực lao động của 1 quốc gia và quốc tế, một yếu tố cấu thành củ tồn tại XH.
- + Chức năng này liên quan chặt chẽ đến sự phát triển mọi mặt của đời sống XH.

- Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục:

- + Gia đình có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và XH.
- + Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình đối với XH.
- + Gia đình góp phần quan trọng vào việc đào tạo thế hệ trẻ, thế hệ tương lai của XH, cung cấp và nâng cao chất lượng nguồn lao động để duy trì sự trường tồn của XH, đồng thời mỗi cá nhân từng bước được XH hóa.
- + Giáo dục của gia đình gắn liền với giáo dục của XH.
- Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng:
 - + Gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng.
 - + Gia đình là đơn vị duy nhất tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động cho XH.

+ Gia đình còn là 1 đơn vị tiêu dùng trong XH. Gia đình thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình.

+ Thực hiện chức năng này, gia đình đảm bảo nguồn sinh sống, đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên trong gia đình. Đồng thời đóng góp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra của cải, sự giàu có của XH.

- *Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình:*

+ Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em.

+ Gia đình là chỗ dựa tình cảm cho mỗi cá nhân, là nơi nương tựa về mặt tinh thần.

+ Với việc duy trì tình cảm giữa các thành viên, gia đình có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định và phát triển của XH.

- *Chức năng văn hóa:*

+ Gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như tộc người.

+ Gia đình không chỉ là nơi lưu giữ mà còn là nơi sáng tạo và hưởng thụ những giá trị văn hóa của XH.

- *Chức năng chính trị:*

+ Gia đình là 1 tổ chức chính trị của XH, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật, chính sách và quy chế đó. Gia đình là cầu nối của mối quan hệ giữa nhà nước với công dân.

2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

- *Biến đổi quy mô, kết cấu của gia đình:*

+ Gia đình Việt Nam ngày nay có thể coi là "gia đình quá độ".

+ Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến ở cả thành thị và nông thôn.

+ Quy mô gia đình ngày nay tồn tại thu nhỏ hơn trước kia, số thành viên trong gia đình cũng ít hơn.

- *Biến đổi các chức năng của gia đình:*

+ Biến đổi chức năng tái sản xuất ra con người: với những thành tựu y học hiện đại, các gia đình thực hiện kế hoạch hóa gia đình 1 cách chủ động, tự giác. Mỗi vợ chồng chỉ nên sinh đủ 2 con.

+ Biến đổi chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng:

+ Thứ nhất, từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa, tức là từ 1 đơn vị kinh tế khép kín sản xuất để đáp ứng nhu cầu của gia đình thành đơn vị mà sản xuất chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người khác hay của XH.

+ Thứ 2, từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

+ Biến đổi chức năng giáo dục(xã hội hóa): trong xã hội việt nam truyền thống, giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục xã hội thì ngày nay, giáo dục bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa ra những mục tiêu, những yêu cầu của giáo dục XH cho giáo dục gia đình. Cha mẹ có xu hướng sự đầu tư tài chính cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung giáo dục không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới.

+ Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm: Việc thực hiện chức năng này là 1 yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đặc biệt là bảo vệ chăm sóc trẻ em và người cao tuổi. Tác động của công nghiệp hóa và toàn cầu hóa dẫn tới tình trạng phân hóa giàu nghèo sâu sắc trong các hộ gia đình.

- Sự biến đổi quan hệ gia đình:

+ Biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ gia đình: Dưới tác động của môi trường và XH hôn nhân trở nên khó khăn, gia tăng tỷ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình,... Từ đó, giá trị truyền thống trong gia đình bị coi nhẹ, kiểu gia đình truyền thống bị phá vỡ.

+ Biến đổi quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hoá của gia đình: Thách thức lớn nhất đặt ra cho gia đình việt nam là mâu thuẫn giữa các thế hệ, do sự khác biệt về tuổi tác, khi cùng chung sống với nhau. Vì vậy, gia đình càng nhiều thế hệ, mâu thuẫn thế hệ càng lớn. Xuất hiện nhiều hiện tượng như bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, ngoại tình, sống thử... Chúng phá vỡ các mối quan hệ trong gia đình dẫn đến xuất hiện nhiều tệ nạn XH.

3. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

- Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của đảng, nâng cao nhận thức của XH về xây dựng và phát triển gia đình việt nam:

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cơ quan có thẩm quyền nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng, phát triển gia đình việt nam hiện nay.

+ Cấp ủy và chính quyền các cấp phải đưa ra nội dung, mục tiêu của công tác xây dựng và phát triển gia đình vào chiến lược phát triển kinh tế- XH và chương trình kế hoạch công tác hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

- Thứ 2, đẩy mạnh phát triển kinh tế- XH, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình:

+ Xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển kinh tế- XH để góp phần củng cố, ổn định và phát triển kinh tế gia đình, có các chính sách như ưu tiên, hỗ trợ những gia đình có công với cách mạng, gia đình nghèo, vùng sâu vùng xa.

+ Tích cực khai thác, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình vay vốn ngắn hạn và dài hạn nhằm xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, mở rộng phát triển kinh tế, đẩy mạnh loại hình kinh tế trang trại, vươn lên làm giàu chính đáng.

- Thứ 3, kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay:

+ Bước vào thời kỳ mới gia đình truyền thống bộc lộ cả những mặt tích cực và tiêu cực. Do vậy, cần phải xác định, duy trì những nét đẹp có ích, đồng thời tìm ra những mặt hạn chế và tiến tới khắc phục những hủ tục của gia đình cũ và kết hợp với những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động tất yếu của XH.

- Thứ 4, tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa:

+ Gia đình văn hóa là mô hình gia đình tiên bộ. Đó là gia đình ấm no, hòa thuận, tiến bộ, khỏe mạnh và hạnh phúc; thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân, kế hoạch hóa gia đình, đoàn kết tương trợ trong cộng đồng dân cư.

+ Để phát triển cần tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu, dự báo và đề xuất hướng giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình. Tránh xu hướng chạy theo thành tích, phản ánh không đúng thực tế.

+ Các tiêu chí phải phù hợp và có ý nghĩa thiết thực trong cuộc sống của nhân dân. Công tác bình xét phải được tiến hành theo tiêu chí thống nhất, trên nguyên tắc công bằng, dân chủ, đáp ứng được nguyện vọng, tâm tư, tình cảm, tạo được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân.

Chủ nghĩa xã hội khoa học | Người dự thính Sau - Zoom | You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen | View Options | kiểm tra cnxh 041 - Google Biểu | docs.google.com/forms/d/1Uhhqg9DVfwU6wx5tlq1DKwr1d4VL-hllsciR2UeNils/edit

kiểm tra cnxh 041

Câu hỏi | Phản hồi 64 | Cài đặt

Câu 15: Cộng đồng người đặc biệt, có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của xã hội là:
 A. Giai cấp | B. Gia đình | C. Dân tộc | D. Tầng lớp

II. Phần câu hỏi và trả lời tự luận (L2.1): 4 điểm
CÂU 1. L2.1 . Đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải tạo cách mạng sâu sắc, triệt để xã hội TBCN trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đúng hay sai. Tại sao? Liên hệ trên một lĩnh vực cụ thể ở Việt Nam?
Câu 2: (L2)(2 điểm): Trong cuộc hội thảo: Những vấn đề đặt ra trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội- Có 2 luồng ý kiến thứ nhất cho rằng cơ cấu xã hội – giai cấp đang biến đổi một cách tự phát, thứ 2 cho rằng cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội biến đổi có tính quy luật
 A. Theo Anh (Chị) nội dung tranh biện trên thuộc nội dung kiến thức nào của môn CNXH? Hãy làm rõ nội dung đó? (1,5đ)
 B. Lấy ví dụ minh họa (0,5đ)?

----- HẾT -----

Trang 2/2 - Mã đề thi 041

Unmute | Stop Video | Participants 50 | Chat | Share Screen | Record | Reactions | Leave

Tiếng Anh | Tiếng Việt | Luôn dịch Tiếng | Google Translate

Nguyễn Tiến | Nguyễn Văn Sơn | Nguyễn Thị Hoài | Lê Xuân Thuận

Zoom Meeting | You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen | View Options | Mai Văn Tiến

Nguyễn Mạnh Tiến | Nguyễn Văn Sơn | Phạm Quốc Huy | Mai Văn Tiến

Home | Insert | Design | Transitions | Animations | Slide Show | Review | View | Tell me what you want to do... | Sign in | Share

1.2. Nội dung sử mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân

NỘI DUNG TỔNG QUÁT
 Thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

Khẩu Liệt Chính trị - Pháp luật | © 2021 Harvard University. All rights reserved.

Unmute | Stop Video | Participants 48 | Chat | Share Screen | Record | Reactions | Leave

Who can see your messages?
 To: Phạm Qu... (Direct Message)
 BC Bê Con
 Đừng ảnh mẹ luôn

Windows taskbar: 3:47 PM 12/25/2021

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Participants: Nguyễn Mạnh Tiến, Nguyễn Văn Sơn, Phạm Quốc Huy, Mai Văn Tiến

Chủ nghĩa xã hội khoa học | Người dự thính Sau - Zoom | My Drive - Google Drive | Kiểm tra cnxh 047 - Google | Kiểm tra cnxh 041 - Google

docs.google.com/forms/d/12sREYHKz3IsNACNus_61Vw3maMmQWeTBaPieBur_3c/edit

Kiểm tra cnxh 047

Câu hỏi | Phản hồi | Cài đặt | Tổng điểm: 15

D. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân các dân tộc lại.

Câu 15: Điền từ vào chỗ trống: "Đội ngũ ... là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"

A. Công nhân C. Trí thức
B. Nông dân D. Thanh niên

II. Phần câu hỏi và trả lời tự luận (1.2.1): 4 điểm

Câu 1 (1.2.1)(2 điểm): Có 3 xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc. Đứng hay sai? Cho ví dụ thực tiễn chứng minh?

Câu 2: (1.2.1)(2 điểm): Chủ nghĩa Mác cho rằng: "Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới này - đó là sự mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại" (C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, Nhà CTQG Hà Nội, 1995, tập 20, tr. 393)

A. Quan điểm thuộc nội dung kiến thức nào của CNXH? Hãy phân tích nội dung đó? (1,25đ)
B. Cho ví dụ minh họa. (0,75đ)?

Dễ số 1/ trang 2

----- HẾT -----

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

Who can see your messages?
To: Phạm Qu... (Direct Message)
Type message here...

3:50 PM 12/25/2021

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Participants: Nguyễn Mạnh Tiến, Nguyễn Văn Sơn, Phạm Quốc Huy, Mai Văn Tiến

Chủ nghĩa xã hội khoa học | Người dự thính Sau - Zoom | My Drive - Google Drive | Kiểm tra cnxh 019 - Google | Kiểm tra cnxh 047 - Google | Kiểm tra cnxh 041 - Google

docs.google.com/forms/d/1JAT5F_UOIS0XC7hoQvNN-Axmb0ivqbtdeCGH2-4/edit

Kiểm tra cnxh 019

Câu hỏi | Phản hồi | Cài đặt

TIẾNG ANH | TIẾNG VIỆT | Luôn dịch Tiếng Anh | Google Translate

IV. Là giai cấp công nhân tương trọng và họ:

Câu 13: Đặc trưng cơ bản của thời kỳ quá độ lên CNXH trong lĩnh vực kinh tế là?

A. Kinh tế tư nhân B. Kinh tế nhà nước
C. Tập trung bao cấp D. Nhiều thành phần.

Câu 14: Dân chủ là gì?

A. Là quyền tự do của mỗi người B. Là trật tự xã hội
C. Là quyền của con người D. Là quyền lực thuộc về nhân dân

Câu 15: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế là chế độ.....

A. sở hữu nhóm về tư liệu sản xuất chủ yếu B. công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu
C. tư hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu D. sở hữu hỗn hợp về tư liệu sản xuất chủ yếu

II. Phần câu hỏi và trả lời tự luận (1.2.1): 4 điểm

Câu 1 (1.2.1)(2 điểm): có 2 điều kiện chủ quan quy định sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, đứng hay sai(0,5 đ)? Tại sao(1 đ)?

CÂU 2. 1.2.1 (2 điểm). Ngày 18/3/2014 bán đảo Crimea đã tách khỏi Ukraine để sáp nhập Liên bang Nga sau cuộc trưng cầu dân ý.

a) Sự kiện chính trị trên có thể liên hệ với nội dung nào của chủ nghĩa xã hội khoa học? Phân tích nội dung đó? (1,5đ)
b) Lấy thêm ví dụ thực tiễn để minh họa (0,5đ)

----- HẾT -----

Trang 3/2 - Mã đề thi 209

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

Who can see your messages?
To: Phạm Qu... (Direct Message)
Type message here...

3:51 PM 12/25/2021

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Nguyễn Mạnh Tiến Nguyễn Văn Sơn Trịnh Hồng Phong Nguyễn Tuấn Phong Phạm Quốc Huy Nguyễn Đức Thắng

Tư luận bài 3.docx - Word

File Home Insert Design Layout References Mailings Review View Tell me what you want to do...

Clipboard Paste Cut Copy Format Painter Font Paragraph Styles Find Replace Select

Tự luận bài 3

Câu 1.L2) . Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, đúng hay sai? Tại sao? Cho ví dụ ?	1,5 đ
Đáp án: Sai	0,25đ
-Vi : +Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu (0,25 đ) + Đây là đặc trưng về phương diện kinh tế của chủ nghĩa xã hội. (0,25 đ) + Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội, theo Ph.Ăngghen không thể ngay lập tức thủ tiêu chế độ tư hữu (0,25 đ) +. Cùng với việc từng bước xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, để nâng cao năng suất lao động cần phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn, tổ chức chặt chẽ và kỷ luật lao động nghiêm (0,25 đ)	0,75đ

Page 1 of 3 1150 words English (United States)

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

Windows Taskbar: 3:57 PM 12/25/2021

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Nguyễn Mạnh Tiến Nguyễn Văn Sơn Trịnh Hồng Phong Nguyễn Tuấn Phong Phạm Quốc Huy Nguyễn Đức Thắng

Tư luận bài 3.docx - Word

File Home Insert Design Layout References Mailings Review View Tell me what you want to do...

Clipboard Paste Cut Copy Format Painter Font Paragraph Styles Find Replace Select

hữu (0,25 đ) +. Cùng với việc từng bước xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, để nâng cao năng suất lao động cần phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn, tổ chức chặt chẽ và kỷ luật lao động nghiêm (0,25 đ)	
- Nếu VD: 0,25đ - Phân tích VD: 0,25đ	0,5đ
Câu 2.L2) . Chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn nhân loại.Đúng hay sai? Tại sao? Cho ví dụ ?	1,5 đ
Đáp án: Đúng	0,25đ
-Vi : + Trong chủ nghĩa xã hội, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực của phát triển xã hội, biến con người thành con người chân, thiện mỹ (0,25 đ) +. chỉ có xây dựng được nền văn hóa và sản mới giải quyết được mọi vấn đề từ kinh tế, chính trị đến xã hội, con người (0,25 đ) + những người cộng sản sẽ làm giàu trí thức của mình bằng tổng hợp các tri thức, văn hóa mà loài người đã tạo ra: (0,25 đ)	0,75đ

Page 1 of 3 1150 words English (United States)

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

Windows Taskbar: 3:58 PM 12/25/2021

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Nguyễn Mạnh Tiến Nguyễn Văn Sơn Trịnh Hồng Phong Nguyễn Tuấn Phong Phạm Quốc Huy Nguyễn Đức Thắng

File Home Insert Design Layout References Mailings Review View Tell me what you want to do... Sign in Share

Clipboard Paste Cut Copy Format Painter Font Paragraph Styles Find Replace Select

Font: Times New Roman, Size: 12, Bold, Italic, Underline, Color: Black, Paragraph: Left, Indent: 0.5, Line and Paragraph Spacing: 1.0, Styles: Normal, No Spacing, Heading 1, Heading 2, Title, Subtitle, Subtitle Emphasis, Emphasis

Page 1 of 3 1150 words English (United States)

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

3:58 PM 12/25/2021

Câu 1. (L2). Trong tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, khi dự báo về xã hội tương lai, xã hội cộng sản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Thay cho xã hội tư bản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện phát triển tự do của tất cả mọi người” ;

a) Đoạn văn trên thuộc nội dung kiến thức nào trong bài về CNXH? Hãy phân tích nội dung đó?

b) Vận dụng kiến thức ở ý a) để luận giải tình huống trên? Lấy ví dụ minh họa?

<p>a. Đoạn văn trên thuộc nội dung đặc trưng về CNXH: (0,5 đ)</p> <p>Phân tích các đặc trưng: 1,5đ</p> <p>+ Chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện. (0,25đ)</p> <p>+ Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu (0,25đ)</p> <p>+ Chủ nghĩa xã hội là xã hội do nhân dân lao động làm chủ (0,25 đ)</p>	3 đ
<p>b. Giải thích được tình huống:</p> <p>Đây là sự khác biệt về chất giữa hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa so với các hình thái kinh tế - xã hội ra đời trước, thể hiện ở bản chất nhân văn, nhân đạo, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người</p> <p>VD minh họa (0,25đ)</p> <p>Phân tích ví dụ (0,25đ)</p>	0,5đ

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Nguyễn Mạnh Tiến Nguyễn Văn Sơn Trịnh Hồng Phong Nguyễn Tuấn Phong Phạm Quốc Huy Nguyễn Đức Thắng

File Home Insert Design Layout References Mailings Review View Tell me what you want to do... Sign in Share

Clipboard Paste Cut Copy Format Painter Font Paragraph Styles Find Replace Select

Font: Times New Roman, Size: 12, Bold, Italic, Underline, Color: Black, Paragraph: Left, Indent: 0.5, Line and Paragraph Spacing: 1.0, Styles: Normal, No Spacing, Heading 1, Heading 2, Title, Subtitle, Subtitle Emphasis, Emphasis

Page 1 of 3 1150 words English (United States)

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

3:59 PM 12/25/2021

+ Chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động. (0,25đ)

+ Chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn nhân loại. (0,25đ)

+ Chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. (0,25đ)

b. Giải thích được tình huống:

Đây là sự khác biệt về chất giữa hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa so với các hình thái kinh tế - xã hội ra đời trước, thể hiện ở bản chất nhân văn, nhân đạo, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người

VD minh họa (0,25đ)

Phân tích ví dụ (0,25đ)

Câu 2. Trong bài: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng có đoạn viết:

Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Nguyễn Mạnh Tiến Nguyễn Văn Sơn Trịnh Hồng Phong Nguyễn Tuấn Phong Phạm Quốc Huy Nguyễn Đức Thắng

File Home Insert Design Layout References Mailings Review View Tell me what you want to do... Sign in Share

Clipboard Paste Cut Copy Format Painter Font Paragraph Styles Find Replace Select

Page 1 of 3 1150 words English (United States)

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

3:59 PM 12/25/2021

cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có

a) Đoạn văn trên thuộc nội dung kiến thức nào trong bài CNXH? Hãy phân tích nội dung đó?

b) Vận dụng kiến thức ở ý a) để luận giải tình huống trên? Lấy ví dụ minh họa?

a. Đoạn văn trên thuộc nội dung đặc trưng về CNXH ở Việt Nam (0,25 đ)

Phân tích các đặc trưng: 2đ

+ Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. (0,25đ)

+Do nhân dân làm chủ. (0,25đ)

+Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp. (0,25đ)

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Nguyễn Mạnh Tiến Nguyễn Văn Sơn Trịnh Hồng Phong Nguyễn Tuấn Phong Phạm Quốc Huy Nguyễn Đức Thắng

File Home Insert Design Layout References Mailings Review View Tell me what you want to do... Sign in Share

Clipboard Paste Cut Copy Format Painter Font Paragraph Styles Find Replace Select

Page 1 of 3 1150 words English (United States)

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

4:00 PM 12/25/2021

+Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. (0,25đ)

+Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. (0,25đ)

+Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. (0,25đ)

+Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. (0,25đ)

+Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới. (0,25đ)

b. Giải thích được tình huống: (0,5)

Đây là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi.

VD minh họa (0,25đ)

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Participants: Nguyễn Mạnh Tiến, Nguyễn Văn Sơn, Lại Đức Tâm, Trịnh Hồng Phong

Chat

NM: ồ

TH: giới ghê

NM: người có tình yêu có khác

TH: Trịnh Hồng Phong... to Me (Direct Message)

TH: hỏi Tuấn Phong nhé, kb j cả

NM: Me to Trịnh Hồng Phong... (Direct Message)

NM: hahah

TH: Trịnh Hồng Phong... to Me (Direct Message)

TH: tiền có chị nhà chăm sóc tận tình chứ tôi có j đâu, ngày ngày vẫn lủi thủi 1 mình

Who can see your messages?

To: Trịnh Hồn... (Direct Message)

Type message here...

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

4:03 PM 12/25/2021

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Participants: Nguyễn Mạnh Tiến, Nguyễn Văn Sơn, Lại Đức Tâm, Nguyễn Tuấn Phong, Nguyễn Đức Thắng, Đoàn Trọng Quân

docs.google.com/forms/d/1MWKYCIXI-BLNHnEQKnlph_YPvGdFwIAOQbRSqfw/edit

kt cnxh 064

Câu hỏi Phản hồi Cài đặt Tổng điểm: 15

Câu 14. Quan hệ nào được coi là quan hệ cơ bản nhất trong gia đình?

A. Hôn nhân và máu ruột B. Hôn nhân và huyết thống
C. Quan hệ trong một không gian D. Quan hệ nuôi dưỡng, giáo dục

Câu 15. Khẳng định nào dưới đây KHÔNG đúng về nội dung của dân chủ trong lĩnh vực chính trị?

A. Công dân có quyền bầu cử, ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước
B. Công dân có quyền quyết định mọi vấn đề chung của Nhà nước
C. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và kinh tế - xã hội
D. Công dân có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân

II. Phần câu hỏi và trả lời tự luận (T.2.1): 4 điểm

CÂU 1. (2 điểm) Xét về bản chất, nền chủ XHCN dân chủ gấp nhiều lần nền dân chủ tư bản chủ nghĩa. Quan điểm đó đúng hay sai? Tại sao?.....

CÂU 2. (2 điểm). Ngày 18/3/2014 bán đảo Crimea đã tách khỏi Ukraine để sáp nhập Liên bang Nga sau cuộc trưng cầu dân ý.

a) Sự kiện chính trị trên có thể liên hệ với nội dung nào của chủ nghĩa xã hội khoa học? Phân tích nội dung đó? (1,5đ)

b) Lấy thêm ví dụ thực tiễn để minh họa (0,5đ)

..... HẾT

Trang 2/3 - Mã đề thi 064

Option 1

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

4:08 PM 12/25/2021

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Nguyễn Mạnh Tiến Nguyễn Văn Sơn Lại Đức Tâm Nguyễn Tuấn Phong Đoàn Trọng Quân Nguyễn Khánh An

docs.google.com/forms/d/1cpV4zKZ7HlmX0H5Cb5Z1G3Wg-dD087p6-3L1M0W4/edit

Kiểm tra cnxh 084

Câu hỏi Phản hồi 48 Cài đặt Tổng điểm: 15

của mình là:
 A. Liên minh chặt chẽ giữa công nhân với nông dân và trí thức
 B. Giai cấp công nhân tăng nhanh về số lượng và chất lượng
 C. Có sự lãnh đạo của chính đảng của mình – Đảng Cộng sản
 D. Sự liên hiệp của công nhân với các lực lượng khác trong xã hội.

Câu 15: AI là người đưa ra tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội?
 A. Hồ Chí Minh B. V.I. Lênin C. Đặng Tiểu Bình D. Phạm Văn Đồng

II. PHÂN TỬ LUẬN (2.1)

Câu 1 (1.2.1)2 điểm: "Các dân tộc có quyền độc lập" là một nội dung cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc của Lenin, đúng hay sai? Tại sao? (2đ)

Câu 2: (1.2.1)2 điểm: Chủ nghĩa Mác cho rằng: "Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy - đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại" (C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, NXB CTQG, Hà Nội, 1995, tập 20, tr. 393)

A. Quan điểm trên thuộc nội dung kiến thức nào của CNXH? Hãy phân tích nội dung đó? (1.25đ)
 B. Cho ví dụ minh họa. (0.75đ)?

Đề số 2/ trang 2

----- HẾT -----

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

4:14 PM 12/25/2021

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Nguyễn Mạnh Tiến Nguyễn Văn Sơn Lại Đức Tâm Phạm Đức Công Phạm Quốc Huy Mai Thị Thùy Dương

phần biên tập cnxh.docx - Word

ĐÁP ÁN

Câu 1:

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
	Câu 1: TS. Bế Trường Thành, nguyên Phó chủ nhiệm Ủy ban dân tộc từng khẳng định: "Các dân tộc nước ta là một cộng đồng thống nhất trong đa dạng; cư trú xen kẽ và phân tán trên mọi vùng miền với cơ cấu dân số và trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều; bản sắc văn hóa từng dân tộc tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hiến Việt Nam".	3đ
	a. Quan điểm trên thuộc nội dung kiến thức nào của môn CNXHKKH? Hãy phân tích nội dung đó? b. Vấn đề kiến thức ở ý a) để luận giải? Cho ví dụ minh họa?	
	a. Quan điểm trên thuộc nội dung: Đặc điểm các dân tộc Việt Nam.	0.5đ
	Việt Nam là quốc gia đa tộc người bao gồm 6 đặc điểm nổi bật sau:	0.25đ
	- Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người	0.25đ

Page 1 of 3 300 words Vietnamese

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

4:21 PM 12/25/2021

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Nguyễn Mạnh Tiến Nguyễn Văn Sơn Lại Đức Tâm Phạm Đức Công Phạm Quốc Huy Mai Thị Thủy Dương

phần biên đáp án cuối.docx - Word

File Home Insert Design Layout References Mailings Review View Add-Ins Tell me what you want to do... Sign in Share

Clipboard Paste Cut Copy Format Painter Font Paragraph Styles Editing

	chung đó?		
	b. Văn dụng kiến thức ở ý a) để luận giải? Cho ví dụ minh họa?		
	a. Quan điểm của 2 bạn đề cập đến nội dung: Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin.	0.5đ	
	- Nội dung Cương lĩnh dân tộc: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc" gồm 3 nội dung chính:	0.5đ	
	+ Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng:	0.25đ	
	+ Các dân tộc được quyền tự quyết:	0.25đ	
	+ Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc:	0.25đ	
	b. Luận giải: Quan điểm của bạn Hà đề cập đến nội dung thứ nhất, quan điểm của bạn Hương đề cập đến nội dung thứ 2 trong Cương lĩnh dân tộc... Cho ví dụ (0.25đ)	0.5đ	
	Phân tích ví dụ (0.25đ)	0.5đ	
	Câu 3: "Các dân tộc hoàn toàn tự do, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc" là nội dung Cương lĩnh dân tộc của Lênin, đúng hay sai? Tại sao? Cho ví dụ?	1.5đ	
	- Nhận định trên là sai vì:	0.25đ	
	- Nội dung cương lĩnh dân tộc là: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc"	0.75đ	

Page 1 of 3 800 words Vietnamese

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

46 ENG 4:22 PM 12/25/2021

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Nguyễn Mạnh Tiến Nguyễn Văn Sơn Lại Đức Tâm Phạm Đức Công Phạm Quốc Huy Mai Thị Thủy Dương

phần biên tập chnh.docx - Word

File Home Insert Design Layout References Mailings Review View Add-Ins Tell me what you want to do... Sign in Share

Clipboard Paste Cut Copy Format Painter Font Paragraph Styles Editing

	+ Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc: b. Luận giải: Quan điểm của bạn Hà đề cập đến nội dung thứ nhất, quan điểm của bạn Hương đề cập đến nội dung thứ 2 trong Cương lĩnh dân tộc... Cho ví dụ (0.25đ) Phân tích ví dụ (0.25đ)	0.25đ 0.5đ 0.5đ
	Câu 3: "Các dân tộc hoàn toàn tự do, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc" là nội dung Cương lĩnh dân tộc của Lênin, đúng hay sai? Tại sao? Cho ví dụ?	1.5đ
	- Nhận định trên là sai vì: - Nội dung cương lĩnh dân tộc là: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc" + Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng: (0.25đ) + Các dân tộc được quyền tự quyết: (0.25đ) + Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc: (0.25đ) - Cho ví dụ:	0.25đ 0.75đ 0.5đ 1.5đ
	Câu 4: Việt Nam là 1 quốc gia đa tộc người, đoàn kết, gần bó trong 1 cộng đồng dân tộc quốc gia thống nhất, đúng hay sai? Tại sao? Cho ví dụ?	0.25đ
	- Nhận định trên là đúng vì: Việt Nam là quốc gia đa tộc người bao gồm 6 đặc điểm nổi bật sau: - Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người.	0.25đ

Page 1 of 3 800 words Vietnamese

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

4:22 PM 12/25/2021

Zoom Meeting You are viewing Nguyễn Văn Sơn's screen View Options

Nguyễn Mạnh Tiến Nguyễn Văn Sơn Lại Đức Tâm Phạm Đức Công Phạm Quốc Huy Mai Thị Thủy Dương

phần biên tập chnh.docx - Word

File Home Insert Design Layout References Mailings Review View Add-Ins Tell me what you want to do... Sign in Share

Clipboard Paste Cut Copy Format Painter Font Paragraph Styles Editing

	- Nội dung cương lĩnh dân tộc là: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc" + Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng: (0.25đ) + Các dân tộc được quyền tự quyết: (0.25đ) + Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc: (0.25đ) - Cho ví dụ:	0.75đ 0.5đ 0.5đ
	Câu 4: Việt Nam là 1 quốc gia đa tộc người, đoàn kết, gần bó trong 1 cộng đồng dân tộc quốc gia thống nhất, đúng hay sai? Tại sao? Cho ví dụ?	1.5đ
	- Nhận định trên là đúng vì: Việt Nam là quốc gia đa tộc người bao gồm 6 đặc điểm nổi bật sau: - Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người. Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau. (0.25đ) - Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở các vùng có vị trí chiến lược quan trọng. Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đồng đều. (0.25đ)	0.25đ 0.75đ

Page 1 of 3 800 words Vietnamese

Unmute Stop Video Participants Chat Share Screen Record Reactions Leave

4:22 PM 12/25/2021